TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-PT
Ngày 07-3-2019
V/v tranh chấp kiện đòi tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Tuyến

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Ông Cao Văn Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nguyệt Minh - Thẩm tra viên của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận C2, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 539/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Đức D; nơi ĐKHKTT: Số nhà A, phường A1, quận A2, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: B, phường B1, quận A2, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơ*n: Bà Phùng Thị V; nơi cư trú: Số C, phường C1, quận C2, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phùng Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Đức D trình bày:

Do có quan hệ thân thiết với bà Phùng Thị V nên ngày 20 tháng 02 năm 2018, ông có cho bà V vay nóng số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng, không lấy lãi. Việc ông cho bà V vay tiền không làm hợp đồng vay, bà V có viết vào sổ tay của ông với dòng chữ "Vay nhận của anh D 100.000.000 đồng" và ký tên của mình. Đến khoảng tháng 4 năm 2018, ông có gọi điện đòi bà V, bà V có nói đi công tác nên chưa trả cho ông, sau đó ông có gọi điện cho bà V nhiều lần để đòi tiền thì đến ngày 12 tháng 7 năm 2018, bà V đã chuyển khoản trả cho ông số tiền 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà V phải trả nợ gốc cho ông số tiền là 60.000.000 (*Sáu mươi triệu*) đồng, không yêu cầu bà V phải trả lãi cho ông. Tuy nhiên đến phiên hòa giải ngày 19 tháng 10 năm 2018, ông yêu cầu bà V phải trả lãi 1%/tháng kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 6.000.000 đồng (tính từ ngày 20 tháng 02 năm 2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 10 tháng x 1% tháng x 60.000.000 đồng).

Theo bị đơn, bà Phùng Thị V trình bày: Do bà là khách hàng của Công ty Catalogue Shopping thương hiệu Best Products nên bà đã rủ ông D tham gia mua hàng để trúng thưởng. Nếu trúng thưởng thì mỗi người được hưởng 50% giải thưởng. Bà đã tham gia mua sản phẩm của Công ty trên từ năm 2017, tháng 02 năm 2018, Công ty có thông báo nếu khách hàng nào có doanh số cao thì sẽ thắng giải, do bà không có tiền nên bà đã rủ ông D tham gia mua hàng của Công ty để nhận thưởng. Bà bảo ông D lo 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng để tham gia thì ông D đồng ý. Đến ngày 20 tháng 02 năm 2018, ông D đã đưa cho bà số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng. Khi ông D đưa cho bà 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng tại quán cà phê H2 gần ngã tư Viện Y học biển thì bà có ghi "V nhận của anh D 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng" vào ngày 05 tháng 01 năm 2018 tức ngày 20 tháng 02 năm 2018 dương lịch và có ký tên đúng với ngày tháng trong giấy tờ được đánh dấu trang từ 1 đến 6 mà ông D nộp cho Tòa án. Ông D nói bà ghi "Vay nhận" là không đúng mà bà chỉ ghi là "V nhận…" do bà viết láu, bà ghi vào giấy tờ trên không phải về việc vay tiền mà chỉ là viết để làm tin khi làm ăn chung. Sau khi nhận 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng của ông D, bà đã chuyển cho công ty Catalogue Shopping thương hiệu Best Products 02 lần: Lần 1 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, số 76 Trần Phú, Hồng Bàng, Hải Phòng số tiền 62.765.000 đồng, lần này ông D có đi cùng với bà; lần 2 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cuối đường Lạch Tray bà không nhớ rõ địa chỉ số tiền 38.231.000 đồng. Tất cả giấy chuyển tiền đều mang tên một mình bà chuyển tiền cho Công ty trên, không có tên ông D chuyển cùng vì chỉ có bà tham gia Công ty trên.

Trước khi ông D chuyển cho bà 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng, hai bên có thỏa thuận miệng với nội dung nếu trúng thưởng thì giải thưởng sẽ chia đôi sau khi trừ đi số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng mà ông D đã bỏ ra để mua hàng, còn nếu không trúng giải thưởng thì mỗi bên phải chịu một nửa số

tiền mua hàng tức là bà và ông D mỗi người chịu 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng.

Do không trúng thưởng như mong muốn nên khi ông D đòi tiền, bà đã trả ông D 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng. Khi trả số tiền này bà không yêu cầu ông D có biên nhận tiền vì tin tưởng ông D. Đến ngày 12 tháng 7 năm 2018, bà đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng của ông D số tiền 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng, tổng cộng bà đã đưa cho ông D 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng. Nay ông D yêu cầu bà trả ông D số tiền 60.000.000 (*Sáu mươi triệu*) đồng và yêu cầu bà phải trả tiền lãi là 1%/tháng kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2018 dương lịch đến nay là 10 tháng x 1%/tháng = 6.000.000 (*Sáu triệu*) đồng thì bà không đồng ý vì hai bên đã thỏa thuận làm ăn nếu thua lỗ thì mỗi bên phải chịu 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng, do Công ty đó đã đóng cửa không còn hoạt động nên bà không lấy lại được số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng, do đó mỗi bên phải chịu 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng, phần của bà đã trả đủ cho ông D 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng, còn ông D phải chịu 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án sơ thẩm số: 11/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận C2, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 463, Điều 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức D về việc buộc bà Phùng Thị V phải trả cho ông số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, lãi suất thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 12 năm 2018, bà Phùng Thị V kháng cáo không đồng ý với toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm trên. Lý do: Bà không vay tiền của ông D, việc bà nhận của ông D số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng không phải là khoản tiền vay mà là khoản tiền ông D đưa cho bà để bà cùng ông D hợp tác mua hàng với mục đích lấy trúng thưởng của Công ty Cataloshopping Bestproducts, hai bên có thỏa thuận trúng thưởng thì mỗi bên hưởng 50%, nếu có rủi ro thì mỗi bên chịu 50/50. Do không trúng thưởng nên bà đã trả cho ông D 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng. Vì vậy, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

Tại phiên toà phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Phạm Đức D vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Phùng Thị V phải trả cho ông số tiền nợ gốc 60.000.000 (*Sáu mươi triệu*) đồng.

Bị đơn bà Phùng Thị V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày lời khai như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo:

Bà Phùng Thị V khẳng định số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng bà nhận của ông Phạm Đức D không phải là bà vay của ông D số tiền trên mà là khoản tiền ông D đưa cho bà với mục đích hợp tác làm ăn chung với hình thức mua hàng của Công ty Sopping thương hiệu Best Products để trúng thưởng. Ngoài lời khai, bà V có đưa ra chứng cứ là bản in tin nhắn với nội dung *"Tháng này chỉ có 28 ngày thôi, mà ngày 28 là kết thúc chương trình, đây là cơ hội có một không hai sếp nhé, cố lên và thông tin sớm để em biết, không nhỡ thì quá tiếc đấy. Vì em không có phương án không em đang sốt ruột lắm nhé"*. Chứng cứ bà V cung cấp không đủ căn cứ để xác định khoản tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng bà nhận của ông D là khoản đầu tư làm ăn chung, bởi lẽ tin nhắn này không rõ là bà V gửi cho ai?, nội dung cũng không thể hiện việc ông D đồng ý hợp tác làm ăn chung với bà. Như vậy, lời khai của bà Phùng Thị V về việc số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng mà ông D đưa cho bà là khoản tiền hợp tác làm ăn chung là không có căn cứ chấp nhận.

Bà Phùng Thị V trình bày ngoài số tiền 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng đã chuyển khoản trả cho ông D thì bà còn trực tiếp trả cho ông D 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng, việc giao nhận tiền không lập văn bản, ông D không thừa nhận đã nhận của bà V số tiền này. Người làm chứng là bà Hoàng Thị Hảo có lời khai xác nhận việc bà có nhìn thấy bà V và ông D giao nhận tiền tại quán cà phê Corner, tuy nhiên bà H không biết bà V và ông D giao nhận cho nhau bao nhiêu tiền. Lời khai của bà H có sự mâu thuẫn với lời khai của bà V về khoảng thời gian có mặt tại quán cà phê Corner. Như vậy, không có căn cứ xác định bà V đã trả cho ông D số tiền 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng.

Từ nội dung phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Viện Kiểm sát tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa đủ căn cứ. Bởi lẽ, trong vụ án này nguyên đơn ông Phạm Đức D trình bày do quan hệ thân thiết nên ông có cho bà Phùng Thị V vay số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng, không tính lãi, không có hợp đồng vay, khi nhận tiền bà V có ghi vào quyển sổ tay của ông D là nhận 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng. Còn bà V trình bày việc bà nhận số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng của ông D là do hai bên thỏa thuận làm ăn chung, tuy nhiên bà V không có chứng cứ để chứng minh bà và ông D đã cùng góp tiền làm ăn chung. Xác định thực tế ông D có giao cho bà V số tiền 100.000.000 *(Một trăm triệu)* đồng, bà V có nhận của ông D số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng nhưng không xác định được chính xác lý do của việc giao nhận tiền này. Do vậy, việc ông D khởi kiện bà V đòi lại số tiền trên được xác định là "Tranh chấp kiện đòi tiền" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Kháng cáo của bà Phùng Thị V trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của bà Phùng Thị V: Bà V khai số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng bà nhận của ông D không phải là khoản tiền bà vay của ông D mà là khoản tiền ông D đưa cho bà là để hợp tác làm ăn chung với hình thức mua hàng của Công ty Shopping thương hiệu Best Products với mục đích lấy khoản tiền thưởng. Tuy nhiên, bà V không xuất trình được chứng cứ xác thực để chứng minh giữa bà và ông D có việc thỏa thuận làm ăn chung nên lời khai của bà V không có căn cứ chấp nhận. Do bà V đã nhận của ông D số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng nên bà V phải có trách nhiệm trả lại cho ông D số tiền trên. Bà V không đưa ra được chứng cứ để chứng minh ngoài số tiền 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng bà đã chuyển khoản trả cho ông D, bà còn trực tiếp trả cho ông D số tiền 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng. Lời khai của bà Hoàng Thị H không đủ căn cứ xác định ông D đã nhận của bà V số tiền 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng như lời khai của bà V. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà Phùng Thị V mới trả cho ông Phạm Đức D số tiền 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng trong số tiền 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng đã nhận của ông D.

[4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp kháng cáo của bị đơn bà Phùng Thị V, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, bị đơn bà Phùng Thị V được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phùng Thị V, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; 463; Điều 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức D: Buộc bà Phùng Thị V phải trả cho ông Phạm Đức D số tiền nợ gốc 60.000.000 (*Sáu mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Phùng Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại ông Phạm Đức D số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0012682 ngày 01 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C2, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND quận C2, TP. Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận C2, TP. Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Tuyến